



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

pSố PKQ: 03980/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.1627.BT1
----------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP
THÀNH THÀNH CÔNG**

Ngày lấy mẫu : 03/04/2026

Địa chỉ : Kp. An Hội, P.Trảng Bàng, T.Tây Ninh

Loại mẫu : Bùn thải

Vị trí lấy mẫu : 26.1627.BT1: Bùn thải nhà máy cấp nước
X:1219720; Y:589657

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2025/BNMT
				26.1627.BT1	Ngưỡng CTNH tính theo nồng độ ngâm chiết (mg/L)
1	Asen (As) ^(b)	mg/L	TCVN 9239:2012 US EPA 7010	KPH (LOD=0,003)	≥ 5,0
2	Bari (Ba) ^(b)	mg/L	TCVN 9239:2012 US EPA 7010	KPH (LOD=0,020)	≥ 100
3	Bạc (Ag) ^(b)	mg/L	TCVN 9239:2012 US EPA 7000B	KPH (LOD=0,060)	-
4	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	TCVN 9239:2012 US EPA 7010	KPH (LOD=0,0002)	≥ 1,0
5	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	TCVN 9239:2012 US EPA 7000B	KPH (LOD=0,3)	≥ 5,0
6	Coban (Co) ^(b)	mg/L	TCVN 9239:2012 US EPA 7000B	KPH (LOD=0,003)	≥ 80
7	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	TCVN 9239:2012 US EPA 7000B	KPH (LOD=0,06)	-
8	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	TCVN 9239:2012 US EPA 7000B	KPH (LOD=0,006)	≥ 70
9	Selen (Se) ^(b)	mg/L	TCVN 9239:2012 US EPA 7010	KPH (LOD=0,003)	> 1,0
10	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	TCVN 9239:2012 US EPA 7471B	KPH (LOD=0,002)	≥ 0,2
11	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(b)	mg/L	TCVN 9239:2012 US EPA 7196A	KPH (LOD=0,15)	-
12	CN ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 9013A US EPA 9010C US EPA 9014	KPH (LOD=0,300)	≥ 590 ⁽¹⁾
13	Tổng Dầu ^(b)	mg/L	TCVN 9239:2012 US EPA 1664B	KPH (LOD=3)	-
14	Phenol ^(b)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3630C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,003)	≥ 1.000





TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2025/BNNMT
				26.1627.BT1	Ngưỡng CTNH tính theo nồng độ ngậm chiết (mg/L)
15	Benzen ^(d)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 5021A US EPA 8260D	< 0,0001	≥ 0,5
16	Clobenzen ^(d)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 5021A US EPA 8260D	< 0,0001	≥ 100
17	Toluen ^(d)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 5021A US EPA 8260D	< 0,0001	-
18	Naphthalene ^(b)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3630C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,0002)	-
19	Clodan ^(b)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,0005)	≥ 0,03
	Cis-Clodan ^(b)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,0005)	-
	Trans-Clodan ^(b)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,0005)	-
20	Metoxyclo ^(b)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,0005)	≥ 10
21	2,4-Diclophenoxy axeticaxit (2,4-D) ^(d)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3630C US EPA 8321A	<0,02	≥ 10
22	Endrin ^(b)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,0005)	≥ 0,02
23	γ-HCH (Lindan) ^(b)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,0005)	-
24	Heptaclo ^(b)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,0005)	-
25	Methyl parathion ^(b)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,0005)	≥ 1,0



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2025/BNNT
				26.1627.BT1	Ngưỡng CTNH tính theo nồng độ ngâm chiết (mg/L)
26	Ethyl parathion (Parathion) ^(b)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,0005)	≥ 20

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 15,16,17,21 do VIMCERTS 079 thực hiện;
3. QCVN 07:2025/BNNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại; tính theo nồng độ ngâm chiết (mg/L);
(¹) Ngưỡng CTNH tính theo hàm lượng tuyệt đối ppm;
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
7. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
8. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên

